

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Bản án số: 60/2022/HS-ST

Ngày: 08-8-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Công

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2022/TLST-HS ngày 17/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HS ngày 18/7/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 04/TB-TA ngày 27/7/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 05/TB-TA ngày 01/8/2022, đối với bị cáo:

1. Trần Ngọc H, tên gọi khác: Không, sinh năm 2002 tại Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: Không đăng ký; Chỗ ở: Sống lang thang; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 0/12 (biết đọc, biết viết); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên cha: Không rõ, Họ tên mẹ: bà Tạ Thanh T, sinh năm 1983; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Tại Bản án số 06/2021/HSST ngày 03/3/2021 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 12/9/2021. Tiền sự: Ngày 29/12/2020 Công an huyện Đ xử phạt bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2022 đến nay (Có mặt).

2- *Bị hại*: Công ty TNHH K; Địa chỉ: xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đại diện theo pháp luật: Bà M, sinh năm 1975 - Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

3- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1995; Nơi cư trú: xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở: phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có đơn xin vắng mặt)

- Bà Vũ Thị T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

- Ông Bùi Sỹ Q, sinh năm 1965; Nơi cư trú: phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/3/2022 bà M là Giám đốc của Công ty TNHH K phát hiện Công ty bị mất tài sản gồm: 07 máy siêu âm (gồm 01 máy loại lớn và 06 máy loại nhỏ); 01 máy nén khí nhãn hiệu HITACHI BEBICON; 02 máy điều khiển; 01 máy đếm; 2250 vỏ hộp khẩu trang; 100 thùng carton nên trình báo Công an xã L, thành phố Bà Rịa.

Qua xác định có nghi vấn đối tượng Trần Ngọc H, tại Cơ quan điều tra thì Hiếu đầu thú và khai nhận như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/2/2022 đến ngày 05/3/2022, lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của Công ty K, H đã đột nhập vào trong Công ty trộm cắp trang thiết bị, máy móc thuộc dây chuyền sản xuất khẩu trang của Công ty đem bán lấy tiền tiêu xài (BL 19) cụ thể:

Ngày 23/02/2022, H một mình đột nhập vào bên trong Công ty K. Tại đây H kéo máy nén khí hiệu Hitachi ra phía sau xưởng, mở lấy phần đầu mô tô, phần còn lại của máy thì bỏ vào thùng giấy để lại vị trí ban đầu; H đưa mô tô ra ngoài, cất giấu trong căn nhà hoang bên cạnh xưởng. Sau đó, H đem một phần máy nén khí trộm được bán cho người phụ nữ mua ve chai dạo (không rõ lai lịch) được 300.000 đồng. Tiếp đến ngày 24/02/2022, H tiếp tục vào Công ty lấy phần còn lại của máy nén khí, bán cho người mua ve chai tên Nguyễn Thị N được 400.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên H tiêu xài cá nhân.

Vào đầu tháng 3/2022, H tiếp tục nhiều lần đột nhập vào Công ty lấy thêm 04 máy siêu âm bán cho cửa hàng phế liệu do bà Vũ Thị T (huyện Đ) với giá 250.000 đồng; 2250 vỏ hộp khẩu trang bán cho bà N; 04 con lăn kim loại, H mang ra cửa hàng phế liệu tại ngã ba L bán được 100.000 đồng; 100 thùng Carton, 03 máy siêu âm, 02 bộ điều khiển; 01 máy đếm bán cho người phụ nữ

mua ve chai dạo (không rõ lai lịch) và không nhớ chính xác số tiền bán được là bao nhiêu và tiêu xài hết.

Qua làm việc, xác định bà N, bà T đều làm nghề mua phế liệu, nhưng khi mua không biết các tài sản này là do H trộm cắp mà có. Quá trình điều tra bà N đã giao nộp cho cơ quan Công an 01 máy nén khí hiện Hitachi Bebicon và 2250 vỏ hộp khẩu trang; bà T giao nộp 03 máy siêu âm; còn 01 máy siêu âm do đã bán cho người khác nên không thu hồi lại được.

Tại bản kết luận định giá số 200/BB ngày 13/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: 01 máy nén khí hiện Hitachi Bebicon đã qua sử dụng trị giá 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Đối với các tài sản còn lại, Hội đồng định giá từ chối định giá do không rõ nguồn gốc, nơi sản xuất và không có hóa đơn, chứng từ (BL 53-57)

Việc thu giữ và xử lý vật chứng: Đối với 01 máy nén khí hiện Hitachi Bebicon; 03 máy siêu âm không rõ nhãn hiệu, thông số kỹ thuật; 2250 vỏ hộp khẩu trang bằng giấy. Cơ quan điều tra đã trả lại Công ty K do bà M nhận (BL 61).

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của H: 01 điện thoại di động Realme 8; 01 mô tô không rõ biển số, số khung, số máy. Nguồn gốc tài sản, H khai nhận do có lần đi bộ, thấy xe dựng ven đường không ai trông coi, nên đã lấy xe và điện thoại trên xe, sử dụng đến thời điểm bị phát hiện thu giữ.

Tại bản kết luận giám định số 820/KL ngày 17/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận số khung không phải nguyên thủy, số máy bị tẩy xóa, số nguyên thủy chỉ xác định được là VLF1P50FMG340...010...7 (BL 63, 146, 158). Công an thành phố B đã thông báo truy tìm chủ sở hữu tài sản trên, nhưng không có kết quả. Hiện các vật chứng đã chuyển đến Cơ quan Thi hành án chờ xử lý.

Về bồi thường thiệt hại: Công ty TNHH K tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 482.750.000 đồng đối với các tài sản chưa thu hồi được, trong đó có 04 máy siêu âm (giá 98.000.000 đồng/cái); 02 máy điều khiển (giá 24.000.000 đồng/máy); 01 máy đếm (giá 26.000.000 đồng/máy); 03 thùng vỏ hộp khẩu trang (giá 2.250.000 đồng/thùng); 04 con lăn kim loại (giá 2.000.000 đồng/cái); 100 thùng carton (giá 20.000 đồng/thùng).

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKSBR ngày 15/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Trần Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Công nhận việc bị cáo tự nguyện bồi

thường cho Công ty K tổng số tiền 482.750.000 đồng; Về xử lý vật chứng: tịch thu sung công 01 mô tô không rõ biển số, số khung, số máy, 01 điện thoại di động Realme 8.

Ý kiến của bị cáo và lời nói sau cùng: Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát, chỉ đề đạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và đã được công bố tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Do không có công việc làm lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 20/02/2022 đến ngày 05/3/2022 Trần Ngọc H đã có hành vi lén lút đột nhập vào khuôn viên Công ty K tại xã H, thành phố B trộm cắp 01 máy nén khí nhãn hiệu HITACHI BEBICON trị giá 10.500.000 đồng và một số tài sản khác là các trang thiết bị, máy móc thuộc dây chuyền sản xuất khâu trang của Công ty, nhưng do không đủ căn cứ định giá để xác định giá trị các tài sản này, sau đó bị cáo đem các tài sản trên bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Trần Ngọc H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty K được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức hành vi đó là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính và kết án về tội xâm phạm quyền sở hữu chưa được xóa án tích, đã được giáo dục cải tạo nhưng khi về tái hòa nhập cộng đồng có điều kiện lại tiếp tục tái phạm. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phát hiện vụ việc thì bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú, khai nhận hành vi mà mình đã thực hiện, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi được một phần và trả lại cho bị hại; tại Tòa bị cáo tự nguyện chấp nhận bồi thường toàn bộ giá trị tài sản thiệt hại mà bị hại yêu cầu trước đó với tổng số tiền là 482.750.000 đồng. Vì vậy, cần áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Ngoài những tài sản đã nhận lại, Công ty K còn yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 482.750.000 đồng là giá trị các tài sản chưa thu hồi được; tại Tòa bị cáo thừa nhận hành vi tháo dỡ lấy trộm tài sản đã làm thiệt hại cho phía Công ty và đồng ý bồi thường số tiền trên, vì vậy cần công nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho bị hại.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với những tài sản đã thu hồi lại gồm: 03 máy siêu âm, 01 máy nén khí hiện Hitachi Bebi-con, 2250 vỏ hộp khâu trang. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty Khôi Vy.

Đối với 01 mô tô không rõ biển số, số khung, số máy và 01 điện thoại di động hiệu Realme 8 và thu giữ của bị cáo. Xét về nguồn gốc thì thấy: Các tài sản này bị cáo trộm được và giữ lại sử dụng nhưng không xác định được thời gian, địa điểm lấy trộm. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng không xác định được và không ai đến nhận. Ngoài ra chiếc xe mô tô hiện đã bị đục số khung, số máy, không còn nguyên thủy nên không đủ điều kiện lưu hành theo quy định, cần tịch thu sung công.

[7] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

[8] Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị N và Vũ Thị T là những người tham gia mua tài sản của bị cáo, quá trình điều tra xác định khi mua họ không nhận biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không nên có căn cứ xử lý hình sự.

[9] Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 01 năm 06 tháng tù (Một năm sáu tháng tù), thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/3/2022.

2. Bồi thường thiệt hại: Công nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Ngọc H bồi thường cho Công ty K tổng số tiền 482.750.000 đồng (Bốn trăm tám mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải thanh toán thêm số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung công: 01 xe mô tô không rõ biển số, số khung, số máy (số nguyên thủy chỉ xác định còn lại: VLF1P50FMG340...010..7) và 01 điện thoại di động Realme 8, màu xanh, imei 1: 862794051731813, imei 2: 862794051731805.

(Vật chứng nêu trên theo biên giao nhận ngày 17/6/2022)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trần Ngọc H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 23.310.000đ (Hai mươi ba triệu ba trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND; VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND, Công an thành phố B;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BRVT;
- THADS thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh

